CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Hòa Việt

Ngày 30/06/2025	6,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.6%	**-5.8%**	**12.1%**

DT thuần *Q2/25*
522 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 472| 937%
YoY: ▲ 270| 107%

LN thuần *Q2/25*
11.9 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 9.24| 349%
YoY: ▲ 4.28| 56.7%

LN sau thuế *Q2/25*
9.51 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 7.38| 347%
YoY: ▲ 3.31| 53.4%

Tỷ suất lãi EBIT *Q2/25*
2.8%
YoY: +/-▼ 5.2%

ROE (TTM) *Q2/25*
11.4%
YoY: +/-▲ 1.7%

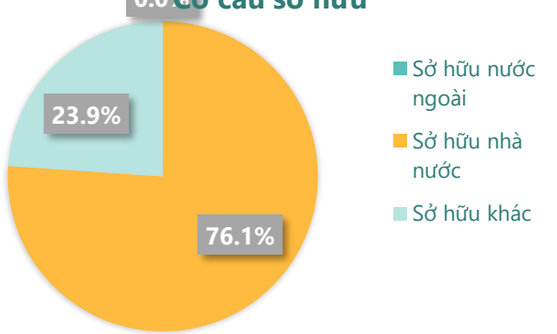
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 7,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	84
Số lượng CPLH (CP)	12,853,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)	505
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.25)
EPS	1,593
P/E	4.1

DT thuần *6T 2025*
573 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 277| 93.3%

LN thuần *6T 2025*
14.6 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 7.96| 120%

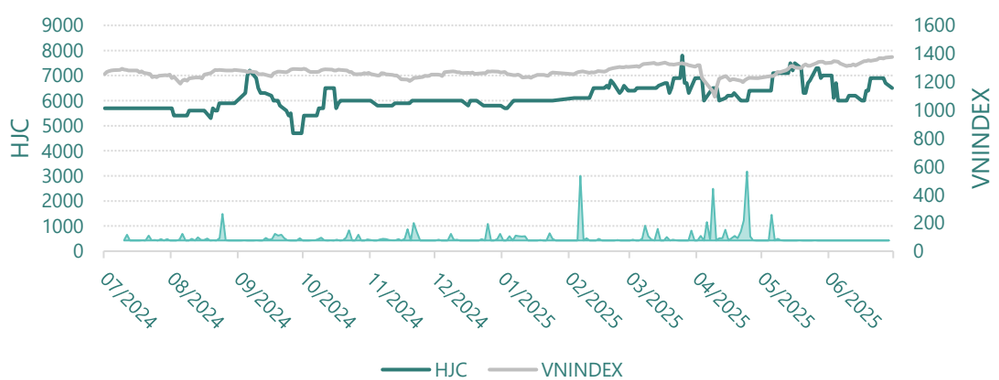
LN sau thuế *6T 2025*
11.6 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 6.38| 123%

Cơ cấu sở hữu

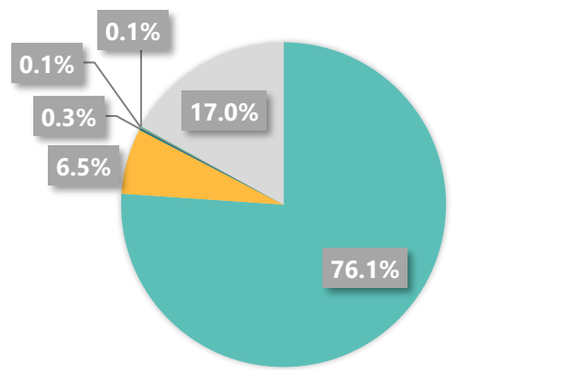


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



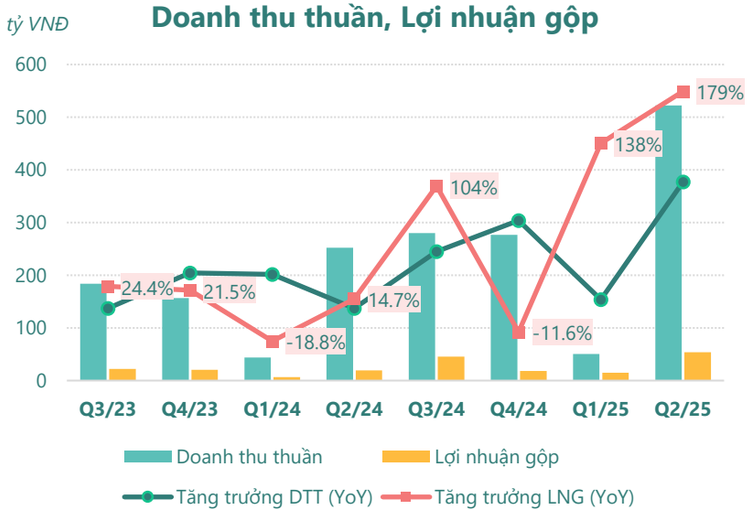
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

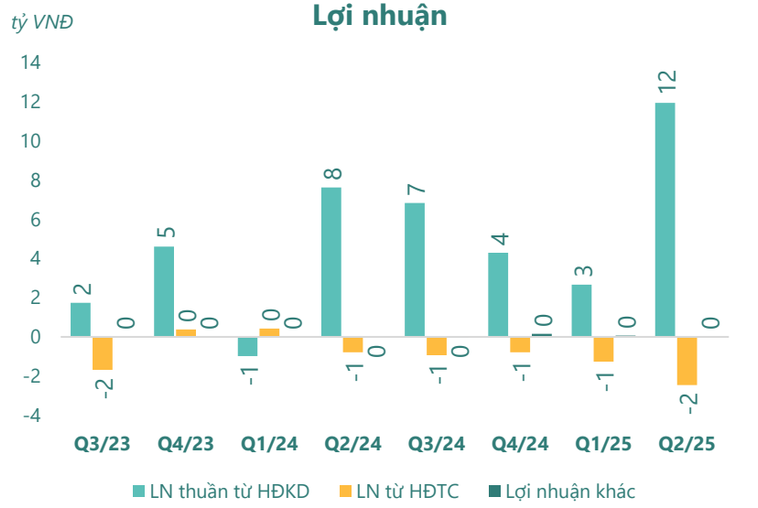
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



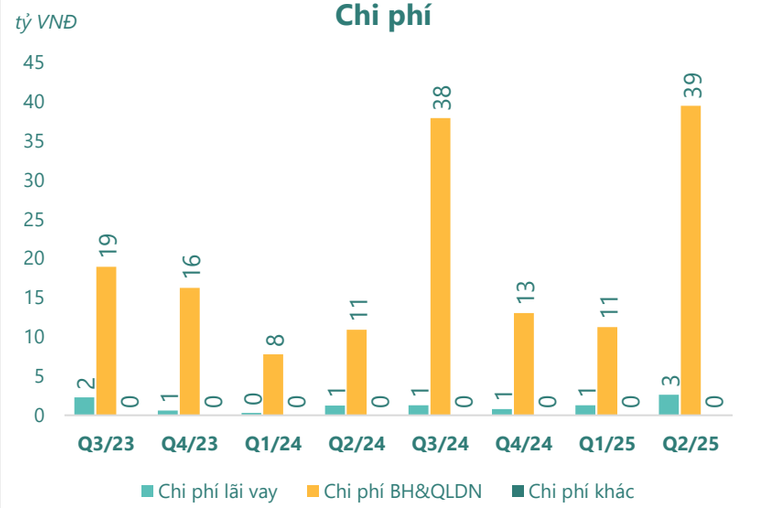
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



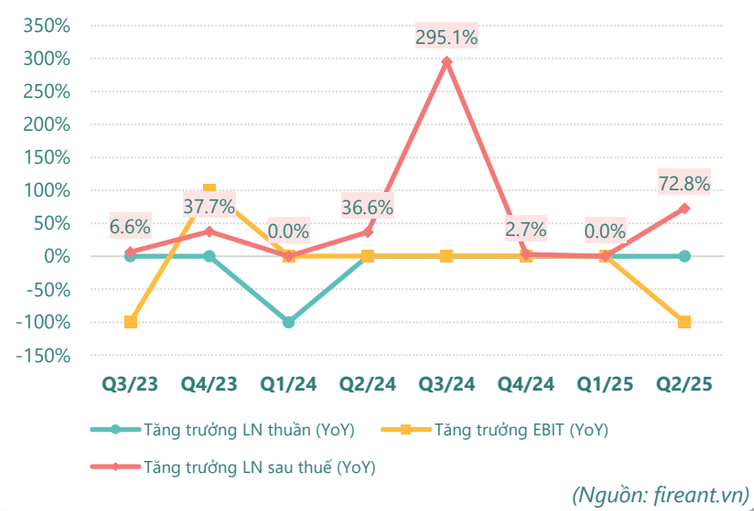
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



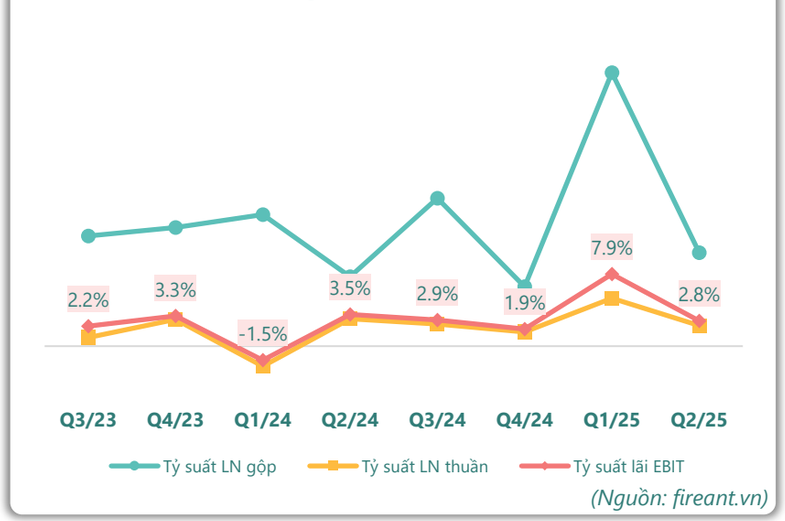
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



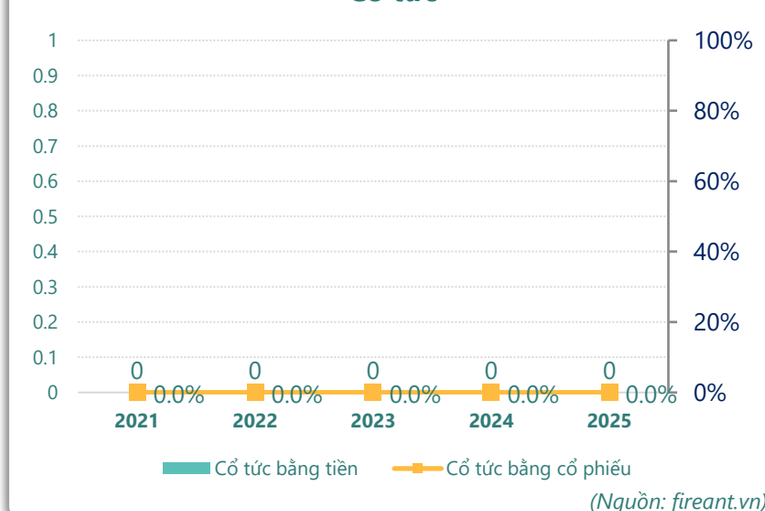
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

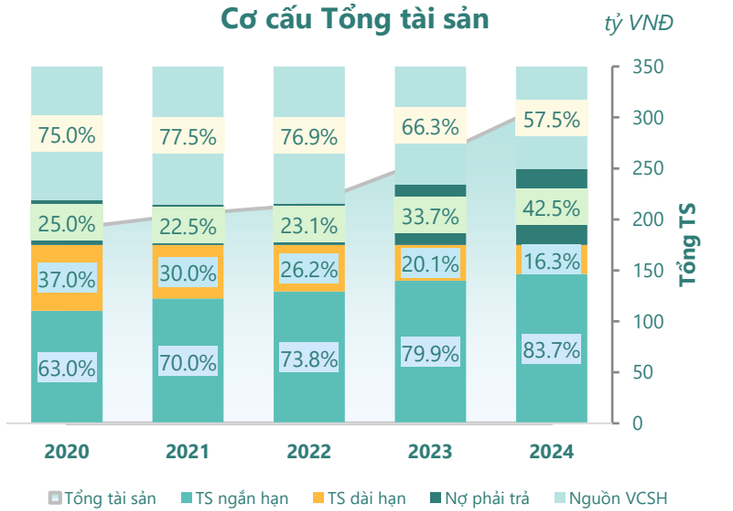
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

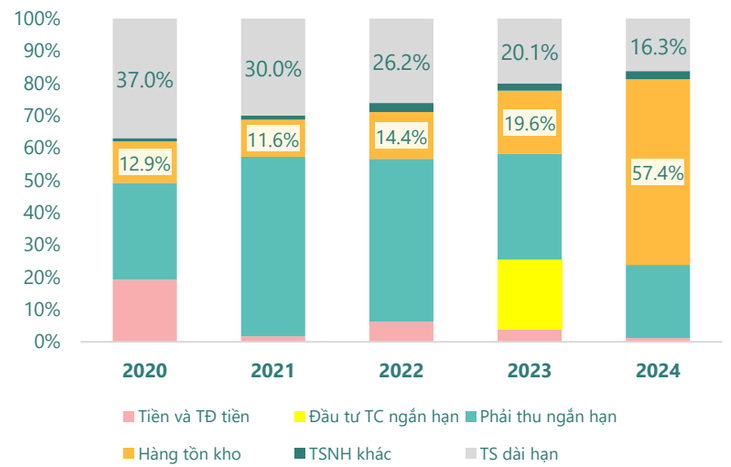
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



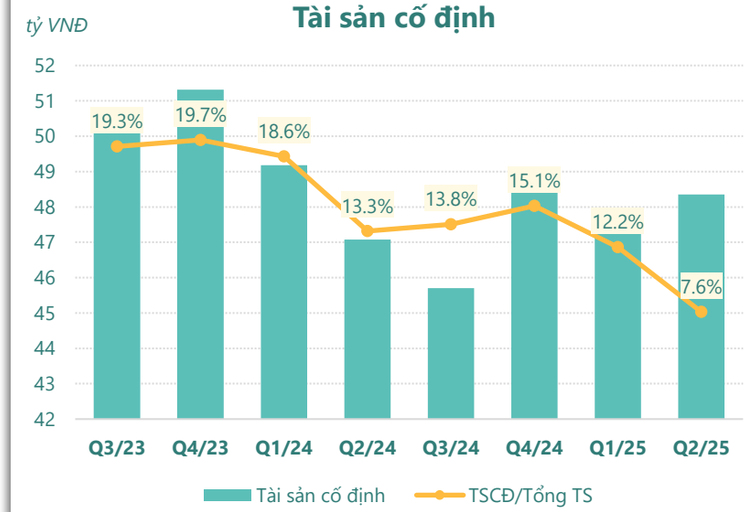
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



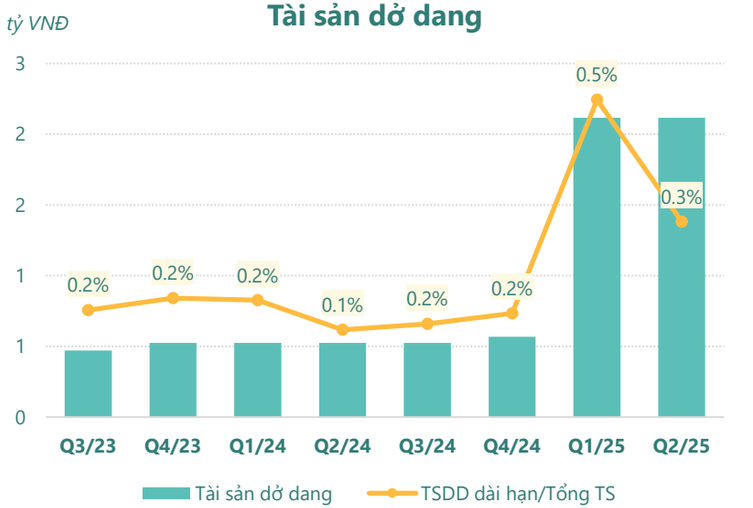
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



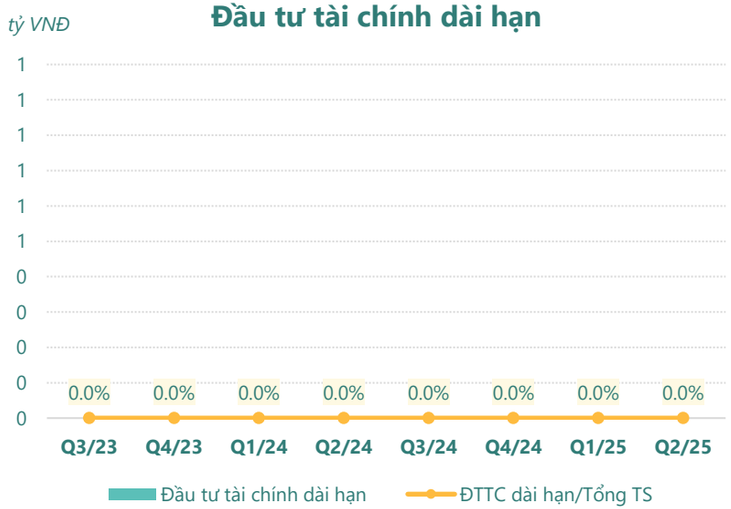
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



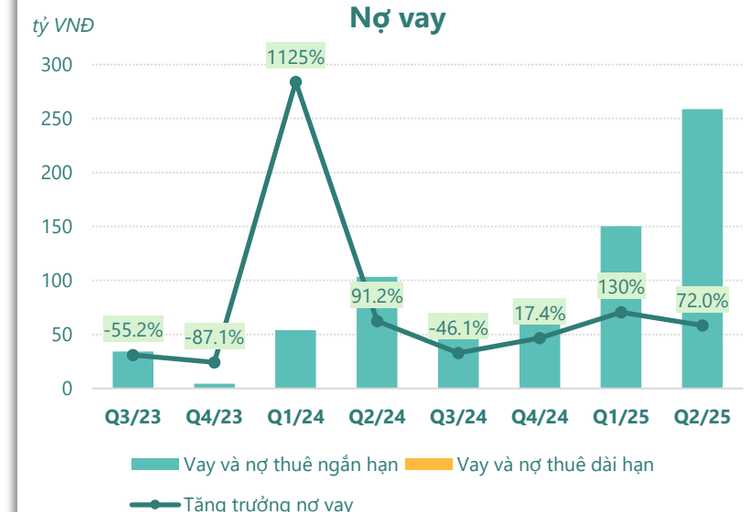
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

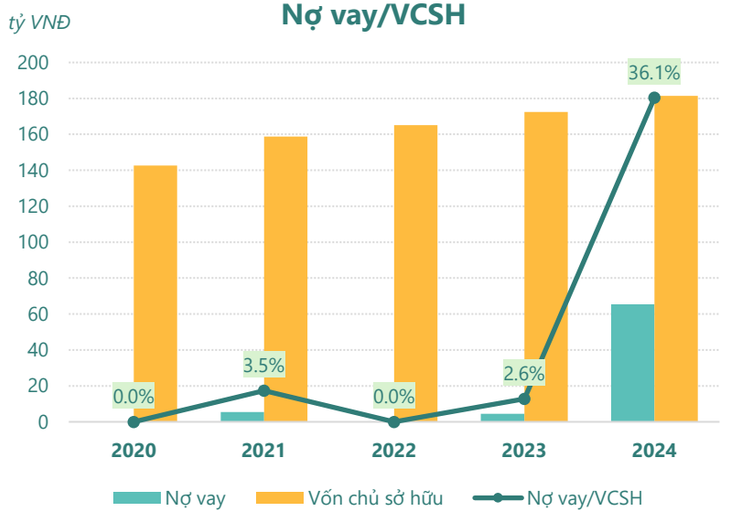
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

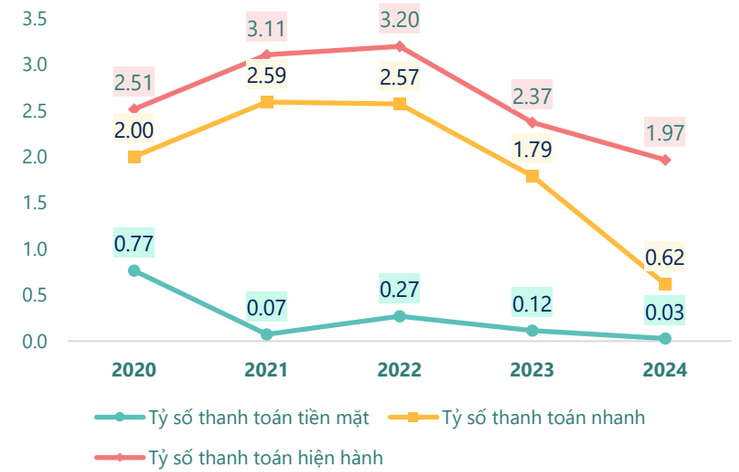
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



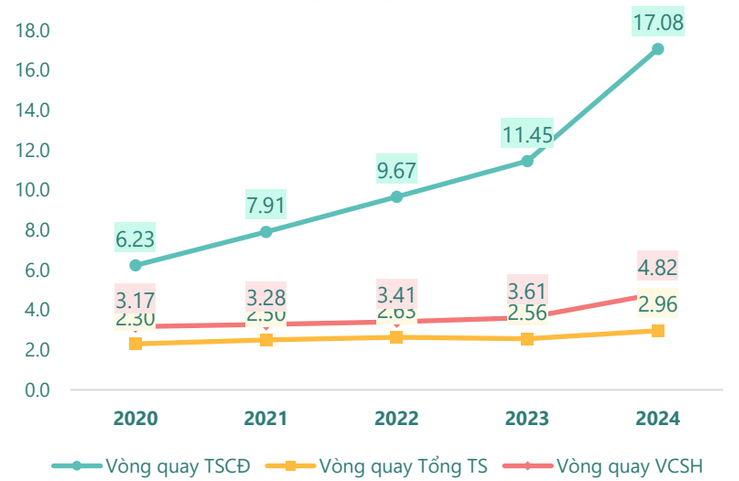
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



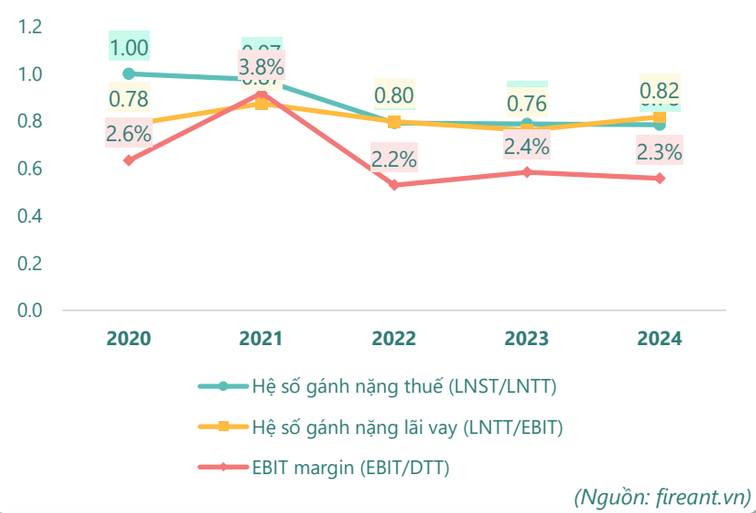
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



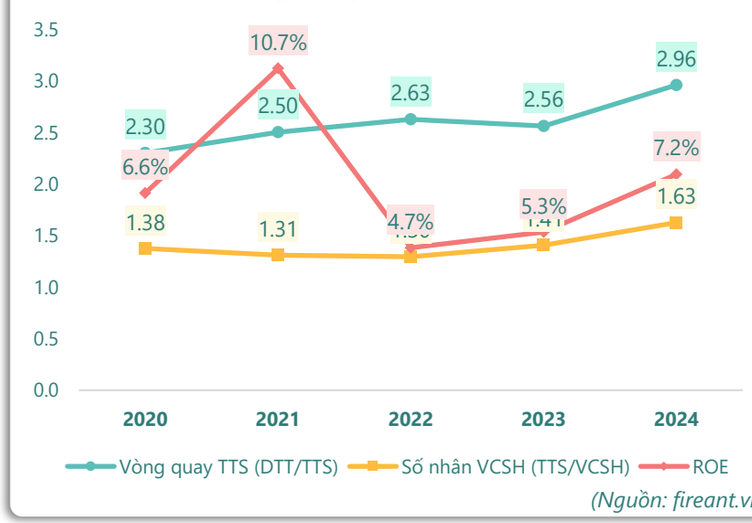
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



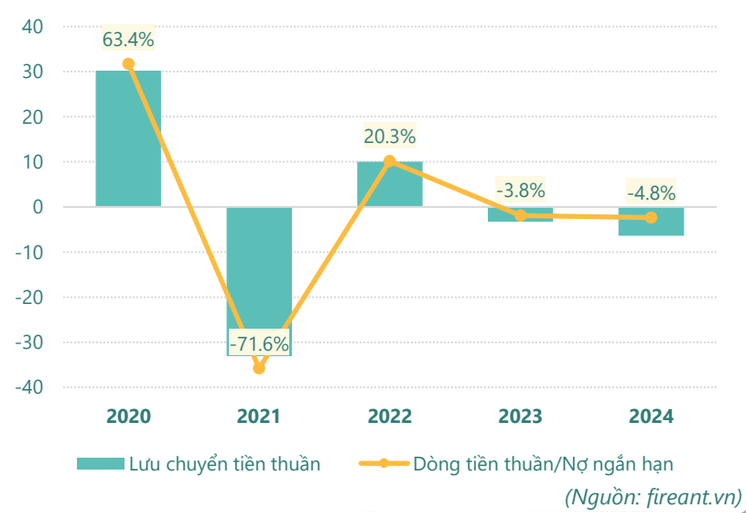
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**522**	**252**	**107%**	**573**	**296**	**93.3%**
Giá vốn hàng bán	469	233	101%	504	271	86.2%
Lợi nhuận gộp	53.9	19.3	179%	69.0	25.7	169%
Doanh thu HĐTC	0.16	0.46	-65.6%	0.17	1.18	-86.0%
Chi phí TC	2.61	1.24	111%	3.89	1.54	152%
Chi phí lãi vay	2.61	1.24	111%	3.89	1.54	153%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	10.2	3.70	175%	13.5	4.73	186%
Chi phí QLDN	**29.3**	**7.22**	**306%**	**37.2**	**14.0**	**166%**
LN thuần từ HĐKD	11.9	7.62	56.7%	14.6	6.64	120%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**-0.01**	**231%**	**0.08**	**-0.01**	**1398%**
LN trước thuế	12.0	7.61	57.0%	14.7	6.64	121%
Lợi nhuận sau thuế	**9.51**	**6.20**	**53.4%**	**11.6**	**5.22**	**123%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.51**	**6.20**	**53.4%**	**11.6**	**5.22**	**123%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-58.4	-105	57.9	-14.6	-83.0	-106
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.72	56.2	-0.37	-3.69	-1.10	-3.99
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	49.7	49.3	-47.7	9.68	84.9	108
Tiền đầu kỳ	10.2	2.16	2.52	12.3	3.79	4.61
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.01**	**0.36**	**9.83**	**-8.56**	**0.82**	**-2.03**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.16	2.52	12.3	3.79	4.61	2.58

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**638**	**316**	**102%**
Tài sản ngắn hạn	586	264	122%
Tiền và tương đương tiền	2.58	3.79	-31.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	267	71.5	274%
Hàng tồn kho	310	181	71.2%
Tài sản ngắn hạn khác	6.02	7.76	-22.4%
Tài sản dài hạn	**52.3**	**51.5**	**1.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	48.4	48.5	-0.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.12	0.57	273%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.79**	**2.39**	**-25.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	452	134	236%
Nợ ngắn hạn	**452**	**134**	**236%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	259	65.4	295%
Phải trả người bán ngắn hạn	142	45.1	214%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**186**	**181**	**2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**186**	**181**	**2.7%**
Vốn điều lệ	129	129	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)